**TUẦN : 22 TOÁN : ( CC )**

**DIỆN TÍCH CỦA MỘT HÌNH. XĂNG -TI - MÉT VUÔNG.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Nhận biết được diện tích của một hình.

+ Nắm được đơn vị đo diện tích chuẩn là xăng-ti-mét vuông

***2. Năng lực chung: L***ắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

***3. Phẩm chất:*** Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**1. HĐ Khởi động**

- GV tổ chức cho Hs hát

- GV dẫn dắt vào bài mới

- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Nhận biết được diện tích của một hình.

+ Nắm được đơn vị đo diện tích chuẩn là xăng-ti-mét vuông

**2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**

**\***GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3/ 24, 25 Vở Bài tập Toán.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4, 5/ 24, 25 Vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

**Bài 1: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)(VBT /24)**

- Cho HS quan sát

- GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời

**\* Bài 2: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (VBT/ 24)**

- YC 2 HS đọc câu trả lờì

- HS lần lượt trả lời:

*a. Hình A gồm 30 ô vuông 1 cm2*

*Diện tích hình A bằng 30 cm2*

*b. Hình B gồm 23 ô vuông 1 cm2*

*Diện tích hình B bằng 23 cm2*

- Vì hình B có 23 ô vuông, mỗi ô vuông có diện tích 1 cm2.

- HS trả lời theo nhiều cách

- Hình A có diện tích lớn hơn hình B.

**Bài 3: Tính (theo mẫu)( VBT /25)**

- GV cho học sinh lên thực hiện.

- 2 HS lên bảng làm bài

*a. 537 cm2 + 638 cm2 = 1175 cm2*

*2385 cm2 – 917 cm2 = 1468 cm2*

*b. 219 cm2 x 4 = 876 cm2*

*525 cm2 : 5 = 105 cm2*

**Bài 4: (VBT/25)**

- GV gọi 1 hs trình bày bảng

*Diện tích tờ giấy màu vàng bé hơn diện tích tờ giấy màu đỏ số xăng – ti – mét là: 950 – 670 = 280 (cm2)*

*Đáp số: 280 cm2*

- HS nhận xét

**Bài 5: VBT/25.**

- GV gọi 2 HS điền đáp án lên bảng

2 HS lên bảng:

*Vậy một mặt bên của rô – bốt rùa sẽ có 10 cm2 được sơn màu xanh và 10 cm2 được sơn màu trắng.*

- 2 HS nêu cách làm

**3. HĐ Vận dụng :**

- GV tổ chức trò chơi: “Hái táo”

Mỗi quả táo có chứa 1 câu hỏi. HS xung phong hái táo và trả lời câu hỏi trong quả táo đó.

*Quả táo 1: Đọc số: 2050 cm2*

*Quả táo 2: Tính: 1086 cm2 – 186 cm2 = ?*

*Quả táo 3: Diện tích hình A bằng. cm2 (biết mỗi ô vuông nhỏ có diện tích 1 cm2)*

*Quả táo 4: Mặt bàn có diện tích 100 cm2. Mặt ghế có diện tích 47 cm2. Hỏi diện tích mặt ghế kém diện tích mặt bàn bao nhiêu xăng – ti – mét vuông?*

**-** GV nhận xét câu trả lời của HS, khen học sinh làm đúng.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**TOÁN**

**Chủ đề 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**BÀI 52: DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG.**

**DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT (TIẾT 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Tính được diện tích hình chữ nhật theo quy tắc đã nêu trong SGK.

+ Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến diện tích hình chữ nhật và bài toán giải bằng hai bước tính.

+ Phát triển năng lực phát triển tư duy định lượng trong không gian thông qua các tình huống liên quan đến diện tích.

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:  + Tính được diện tích hình chữ nhật theo quy tắc đã nêu trong SGK.  + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến diện tích hình chữ nhật và bài toán giải bằng hai bước tính. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 26 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 26, 27 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)(VBT /26)**  - Cho HS quan sát  - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  - YC HS nhắc lại quy tắc tính diện tích HCN  *🡺 Gv chốt lại quy tắc tính diện tích HCN* | - HS nối tiếp trả lời  *+ Hình DCEG: Chiều dài : 9 cm, Chiều rộng: 5 cm, Diện tích: 9 x 5 = 45 (cm2)*  *+ Hình ABEG: Chiều dài: 9cm, Chiều rộng: 7 cm, Diện tích: 9 x 7 = 63 (cm2)*  - Học sinh nhận xét  - Muốn tính diện tích HCN ta lấy chiều dài nhận với chiều rộng (cùng đơn vị đo)  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 2: (VBT/ 26)**  - YC 1 HS trình bày lên bảng  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  - Có cách viết lời giải khác không?  - Bài toán này dễ nhầm ở đâu?  *🡺 Gv chốt các lưu ý khi giải bài toán tính diện tích hình chữ nhật* | - HS trình bày bảng:  *Diện tích tấm gỗ đó là:*  *17 x 8 = 136 (cm2)*  *Đáp số: 136 cm2*  - HS nhận xét  - HS trả lời  - Nhầm chiều dài và chiều rộng |
| **\* Bài 3: Viết số thích hợp vào chỗ chấm (VBT/ 27)**  - YC 1 HS đọc bài làm phần a  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  - Có những cách nào để tìm ra đáp án phần a?  - GV nhận xét, khen HS thông minh  - GV đưa ra tấm bìa được chia thành các ô vuông như bài tập. Hỏi HS các cách thực hiện phần b.  - Vậy mỗi bạn nhận được phần kẹo có diện tích bao nhiêu?  - GV nhận xét và khen ngợi.  *🡺 Gv mở rộng thực tế khi chia bánh, chia kẹo* | - HS trả lời:  *Dế mèn: 14 cm2, rô-bốt: 14 cm2, gà: 18 cm2, Bu-ra-ti-nô: 18 cm2.*  - HS nhận xét  - HS trả lời  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS trả lời: Gấp thành 4 phần,…  Đếm số ô vuông hàng ngang và hàng dọc nhân với nhau rồi chia 4  - 16 cm2 |
| **\* Bài 4: (VBT /27)**  - GV chiếu bài 1 số HS  - GV nhận xét, khen HS tô đúng diện tích | - HS quan sát  - HS nhận xét |
| **3. HĐ Vận dụng**  - GV tổ chức trò chơi: “Ai nhanh, ai đúng”  GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm được phát 1 hình chữ nhật có các kích thước khác nhau và yêu cầu HS đo để tính diện tích HCN đó. Nhóm nào xong thì kết quả lên bảng theo thứ tự lần lượt từ trái qua phải.  Nhóm nào nhanh và đúng nhất sẽ chiến thắng.  **-** GV nhận xét câu trả lời của HS, khen học sinh làm đúng và nhanh.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe và thực hiện  - HS nhận xét  - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN**

**Chủ đề 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**BÀI 52: DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG.**

**DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT (TIẾT 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+Tính được diện tích hình vuông theo quy tắc đã nêu trong SGK.

+ Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến diện tích hình vuông và bài toán giải bằng hai bước tính.

+ Phát triển năng lực phát triển tư duy định lượng trong không gian thông qua các tình huống liên quan đến diện tích

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:  +Tính được diện tích hình vuông theo quy tắc đã nêu trong SGK.  + Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến diện tích hình vuông và bài toán giải bằng hai bước tính. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 28 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 28, 29 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: Hoàn thành bảng sau (theo mẫu)(VBT /28)**  - Cho HS quan sát  - GV cho học sinh nối tiếp nêu câu trả lời  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  - YC HS nhắc lại quy tắc tính chu vi và diện tích hình vuông.  *🡺 Gv chốt lại quy tắc tính chu vi và diện tích hình vuông* | - HS nối tiếp trả lời  *+ Cạnh: 7cm; Chu vi: 7x4 = 28 (cm); Diện tích: 7x7= 49 (cm2)*  *+ Cạnh: 4cm; Chu vi: 4x4 = 16 (cm); Diện tích: 4x4= 16 (cm2)*  - Học sinh nhận xét  - Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài 1 cạnh nhân với 4.  Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài 1 cạnh nhân với chính nó.  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 2: (VBT/ 26)**  - YC 1 HS trình bày lên bảng bài làm phần a  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  - GV lấy 1 tấm bìa hình vuông cạnh 9 cm, yêu cầu 1 HS lên thực hiện theo yêu cầu phần b (cắt đi 1 hình vuông có cạnh 4cm)  - Muốn tìm diện tích phần còn lại của tờ giấy ta làm thế nào?  - GV nhận xét  - GV chiếu bài 1-2 HS, tổ chức nhận xét, khen HS thực hiện tốt  *🡺 Gv chốt lại bài toán tìm phần còn lại* | - HS trình bày bảng:  *Diện tích tờ giấy hình vuông đó là:*  *9 x 9 = 81 (cm2)*  *Đáp số: 81 cm2*  - HS nhận xét  - HS thực hiện cắt đi 1 hình vuông có cạnh 4cm  - Tính diện tích hình vuông bị cắt đi. Sau đó lấy diện tích ban đầu trừ đi diện tích đã cắt đi.  - HS nhận xét  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 3: (VBT/ 28, 29)**  - GV đưa ra các tấm bìa, yêu cầu HS nêu các cách ghép 4 tấm bìa thành hình vuông  - Muốn tính diện tích hình vuông cần biết gì?  - Độ dài cạnh hình vuông là bao nhiêu? Vì sao em biết?  - YC 1 HS trình bày bài làm lên bảng  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. Chiếu 1 số bài của HS khác, thực hiện chấm chữa.  *🡺 Gv mở rộng thực tế muốn tính diện tích đồ vật có hình vuông ta cần biết độ dài 1 cạnh của đồ vật đó.* | - HS thực hành trên bảng (nhiều cách ghép)  - Độ dài cạnh hình vuông  - 5cm vì có 5 ô vuông mỗi ô vuông có cạnh dài 1 cm.  - HS trình bày bảng  - HS nhận xét  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 4: ( VBT /29)**  - YC 1 HS đọc đề bài  - Muốn tìm diện tích phần gỗ còn lại ta ta làm thế nào?  - GV nhận xét  - GV chiếu bài 1 HS, yêu cầu HS đó đọc bài làm của mình  - GV nhận xét, khen HS thực hiện tốt  - GV chiếu thêm 1 số bài HS khác, tổ chức nhận xét | - HS đọc đề bài  - Cần biết diện tích miếng gỗ ban đầu và diện tích phần gỗ bác Chiến đục bỏ. Sau đó lấy diện tích miếng gỗ ban đầu trừ phần gỗ đục bỏ.  - HS nhận xét  - HS đọc bài làm  - HS nhận xét  - HS nhận xét |
| **3. HĐ Vận dụng :**  - GV tổ chức trò chơi: “Đố bạn”  + GV cho HS nghĩ ra các câu đố liên quan đến diện tích hình vuông.  + HS giơ tay để được đặt câu đố  Ví dụ: *Đố bạn* hình vuông có cạnh dài 9 cm có diện tích là bao nhiêu?  + HS đọc câu đố xong sẽ chỉ tay vào đối tượng trả lời câu đố và nói: *“Đố bạn …”*  + GV mời khoảng 2-3 cặp.  **-** GV nhận xét câu trả lời của HS, khen học sinh có câu đố hay, HS trả lời đúng và nhanh.  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS lắng nghe và thực hiện  - HS nhận xét  - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |

**TOÁN : ( CC )**

**DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT, DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG.**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Tính được diện tích hình chữ nhật và diện tích hình vuông theo quy tắc đã nêu trong SGK.

+ Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến diện tích hình chữ nhật và diện tích hình vuông và bài toán giải bằng hai bước tính.

+ Phát triển năng lực phát triển tư duy định lượng trong không gian thông qua các tình huống liên quan đến diện tích.

***2. Năng lực chung: L***ắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

***3. Phẩm chất:*** Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

**1. HĐ Khởi động**

- GV tổ chức cho Hs hát

- GV dẫn dắt vào bài mới

- Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:

Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Tính được diện tích hình chữ nhật và diện tích hình vuông theo quy tắc đã nêu trong SGK.

+ Vận dụng giải các bài toán thực tế liên quan đến diện tích hình chữ nhật và diện tích hình vuông và bài toán giải bằng hai bước tính.

**2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**

**\*** GV giao BT cho HS làm bài.

- Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 29, 30 Vở Bài tập Toán.

- Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 29, 30, 31 Vở Bài tập Toán.

- GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.

- Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi HS đã được cô chấm chữa lên làm bài.

- HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau.

**\* Bài 1: (VBT /29, 30)**

- Cho HS quan sát hình **H**

- Nêu cách tìm diện tích hình **H**

- YC 2 HS làm phần a

- GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.

- YC HS nhắc lại quy tắc tính chu vi và diện tích hình vuông.

Lấy diện tích hình vuông ABCD + diện tích hình chữ nhật DMNP

- HS trình bày bảng:

*a. Diện tích hình vuông ABCD là:*

*9 x 9 = 81 (cm2)*

*Diện tích hình chữ nhật DMNP là:*

*20 x 8 = 160 (cm2)*

Học sinh nhận xét

**Bài 2: (VBT/ 30)**

- YC HS đọc nối tiếp bài phần a

HS trả lời nối tiếp:

*Phòng A: Chu vi: (8+4) x 2 = 24 (cm); Diện tích: 8 x 4 = 32 (cm2)*

*Phòng B: Chu vi: 6 x 4 = 24 (cm); Diện tích: 6 x 6 = 36 (cm2)*

*Phòng C: Chu vi: (7+5) x 2 = 24 (cm); Diện tích: 7 x 5 = 35 (cm2)*

**Bài 3: (VBT/ 31)**

- GV cho HS quan sát hình

- Nêu cách tính diện tích miếng bìa cứng

- Nêu cách tính diện tích hình tam giác nhỏ

- YC 2 HS trình bày bài làm lên bảng

Miếng bìa hình vuông nên ta lấy độ dài 1 cạnh nhân với chính nó.

- Lấy diện tích miếng bìa chia 4- vì 4 hình tam giác bằng nhau

- HS trình bày bảng:

*a. Diện tích miếng bìa cứng ban đầu là: 10 x 10 = 100 (cm2)*

*b. Diện tích một hình tam giác nhỏ là: 100 : 4 = 25 (cm2)*

*Đáp số: a. 100 cm2*

*b. 25 cm2*

**Bài 4: ( VBT /31)**

- GV chia lớp thành các nhóm (mỗi nhóm 6-8 HS)

+ Phát mỗi nhóm 1 tấm bìa có kích thước như tấm kính trong bài tập

+ Yêu cầu HS dùng bút chì nghĩ cách chia tấm kính thành 4 tấm kính HCN, chiều dài 90cm, chiều rộng 10cm. Sau đó tìm diện tích phần kính còn lại.

- Yêu cầu các 1-2 nhóm trình bày bài làm của mình

Đại diện nhóm trình bày

*Phần kính còn lại có diện tích là 200 cm2 vì ...*

**3. HĐ Vận dụng:**

- GV yêu cầu HS nhắc lại công thức tính diện tích HCN và HV

- GV nhận xét giờ học.

- GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

..............................................................................................................................

..............................................................................................................................

**TOÁN**

**Chủ đề 9: CHU VI, DIỆN TÍCH MỘT SỐ HÌNH PHẲNG**

**Bài 53: LUYỆN TẬP CHUNG.**

**LUYỆN TẬP (Tiết 1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

***1. Kiến thức, kĩ năng:***

- Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:

+ Tính được chu vi hình chữ nhật, hình vuông khi biết độ dài các cạnh.

+ Giải quyết được một số tình huống thực tế liên quan đến chu vi, diện tích các hình đã học.

+ Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học

***2. Năng lực chung:***

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, trả lời câu hỏi, làm bài tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: giải quyết được vấn đề với dạng toán vận dụng thực tế.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: giao tiếp với thầy cô, bạn bè trong các hoạt động học tập.

***3. Phẩm chất:***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong các hoạt động học tập để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

***1. Giáo viên:*** Vở bài tập Toán; các hình ảnh trong SGK

***2. Học sinh:*** Vở bài tập toán, bút, thước

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. HĐ Khởi động**  - GV tổ chức cho Hs hát  - GV dẫn dắt vào bài mới  - Gv nêu yêu cầu cần đạt của tiết học:  Giúp học sinh củng cố kiến thức, kĩ năng:  + Tính được chu vi hình chữ nhật, hình vuông khi biết độ dài các cạnh. | - HS thực hiện  - HS lắng nghe |
| **2. HĐ** **Luyện tập, thực hành.**  **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài.  - Gv lệnh: HS chưa đạt chuẩn làm bài 1, 2/ 32 Vở Bài tập Toán.  - Gv lệnh: HS đạt chuẩn làm bài 1, 2, 3, 4/ 32, 33 Vở Bài tập Toán.  - GV cho Hs làm bài trong vòng 15 phút.  - Gv quan sát, giúp đỡ, nhắc nhở tư thế ngồi học cho Hs; chấm chữa bài và gọi Hs đã được cô chấm chữa lên làm bài.  - HS làm xong bài GV cho HS đổi vở kiểm tra bài cho nhau. | - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  - HS đánh dấu bài tập cần làm vào vở.  -Hs làm bài  - HS cùng bàn đổi vở kiểm tra bài. |
| **Hoạt động 2:** Chữa bài:  - GV gọi HS chữa lần lượt các bài:  **\* Bài 1: (VBT /32)**  - YC HS đọc nối tiếp bài  - GV nhận xét, khen học sinh thực hiện tốt.  - Muốn tìm cạnh HV khi biết chu vi ta làm gì?  *🡺 Gv chốt lại quy tắc tính chu vi HV và cạnh HV khi biết chu vi* | - HS trả lời nối tiếp:  *Cạnh: 9 cm ; Chu vi: 36 cm*  *Cạnh: 6 cm ; Chu vi: 36 cm*  *Cạnh: 10 dm ; Chu vi: 40 dm*  - Học sinh nhận xét  - Lấy chu vi HV chia 4 |
| **\* Bài 2: (VBT /32)**  - YC 2 HS trình bày bài làm lên bảng  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt. Chiếu 1 số bài của HS khác, thực hiện chấm chữa.  - Khi tính chu vi HCN cần lưu ý gì?  *🡺 Gv chốt lại quy tắc tính chu vi HCN* | - HS trình bày bài làm:  *a. Đổi 3 dm = 30 cm*  *Chu vi hình chữ nhật là:*  *(30 + 5) x 2 = 70 (cm)*  *Đáp số: 70 cm*  *b. Đổi 4 dm = 40 cm*  *Chu vi hình chữ nhật là:*  *(40 + 20) x 2 = 120 (cm)*  *Đáp số: 120 cm*  - Học sinh nhận xét  - Chiều dài và chiều rộng cùng đơn vị đo |
| **\* Bài 3: (VBT/ 32, 33)**  - GV cho HS quan sát hình  - Nêu cách tính chu vi hình vuông được ghép bởi 4 tấm thảm  - YC 1 HS trình bày bài làm lên bảng  - GV nhận xét bài làm trên bảng, khen học sinh thực hiện tốt.  - Bài này dễ nhầm ở đâu?  *🡺 Gv chốt lại cách tính chu vi 1 hình được ghép bởi nhiều hình nhỏ* | - HS quan sát, lắng nghe  - Tìm cạnh của hình vuông (lấy cạnh 1 tấm thảm x 2) rồi áp dụng quy tắc tính chu vi HV  - HS trình bày bảng:  *Độ dài cạnh hình vuông là:*  *50 x 2 = 100 (cm)*  *Chu vi hình vuông là:*  *100 x 4 = 400 (cm)*  *Đáp số: 400 cm*  - HS nhận xét  - Nhiều bạn sẽ tính chu vi mỗi tấm thảm rồi x 4 là sai.  - HS lắng nghe, quan sát |
| **\* Bài 4: (VBT /33)**  - GV nêu tình huống  - Muốn tìm độ dài mỗi hàng rào ta làm thế nào?  - YC 1 HS trả lời câu a  - GV nhận xét, khen HS thực hiện tốt  - GV cho HS giơ thẻ đáp án A, B, C ở phần b  - Vì sao con chọn đáp án …?  - GV nhận xét, khen HS trả lời đúng và nhanh | - HS quan sát và lắng nghe  - Đếm số khoảng trống,...  - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS giơ thẻ đáp án  - HS trả lời  - HS nhận xét |
| **3. HĐ Vận dụng :**  - GV yêu cầu HS nhắc lại công thức tính chu vi HV và HCN  - GV nhận xét giờ học.  - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau. | - HS trả lời  - HS nhận xét  - HS nghe |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**  ..............................................................................................................................  .............................................................................................................................. | |